

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH VÀ QUẢN TRỊ AN NINH SINH THÁI BIỂN TOÀN CẦU*

GS. DƯƠNG CHẤN GIÁO**

Hiện nay, những khó khăn trong quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu chủ yếu biểu hiện ở các vấn đề như: Quan niệm quản trị lạc hậu, các quy định về luật pháp quốc tế chưa hiệu quả, xung đột trong hệ thống quản trị do điều chỉnh cấu trúc quốc tế và sự thiếu trách nhiệm quốc tế của các cơ quan quản lý. Nguyên nhân chính là do các quốc gia có chủ quyền thiếu ý chí, luật pháp quốc tế lỏng lẻo, hệ thống quản trị không hoàn hảo và sự phổ biến của chủ nghĩa dân tộc.

1. An ninh sinh thái biển toàn cầu phải đối mặt với các vấn đề như ô nhiễm và rủi ro môi trường biển, phá hoại sinh thái biển

Thứ nhất, môi trường biển bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Hiện tượng “phú dưỡng” của các vùng nước gần bờ.

Các quốc gia trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, các chất sinh ra từ nông nghiệp, chăn nuôi, nước thải đô thị và đốt nhiên liệu công nghiệp sẽ xâm nhập vào hệ sinh thái biển thông qua nước mặt, nước ngầm, thậm chí bốc hơi và mưa, gây ra hiện tượng “phú dưỡng” ở các vùng nước ven biển. Hiện tượng “phú dưỡng” của các vùng nước gần bờ có thể dẫn đến các loại tảo lớn sinh sản trên quy mô lớn và gia tăng các hạt lơ

lửng, hình thành hiện tượng tảo nở hoa, phá hủy môi trường sinh thái của sinh vật đáy. Những loài tảo này hấp thụ oxy từ nước thông qua quá trình quang hợp, dẫn đến tình trạng thiếu oxy trong nước, gây ra cái chết của một số sinh vật biển và ảnh hưởng đến sự đa dạng của sinh vật biển. Trường hợp nặng sẽ gây thủy triều đỏ, thủy triều xanh, gây hại cho môi trường nước biển và sức khỏe con người.

Ô nhiễm vi nhựa.

Là các hạt nhựa có đường kính nhỏ hơn 5mm, phân bố rộng rãi trong đại dương và gây ô nhiễm môi trường sinh thái biển. Nguồn gây ô nhiễm vi nhựa chủ yếu là các thành phố ven biển, bến cảng, hoạt động vận tải biển và các bãi rác ven biển. Các mảnh nhựa xâm nhập vào đại dương và phân hủy thành các hạt vi nhựa thông qua quá trình quang phân, phân hủy cơ học và sinh học. Tác động tiêu cực của hạt vi nhựa là rất nghiêm trọng: Khoảng 90% chim biển và 50% động

* Tạp chí Diễn đàn nhân dân (tiếng Trung), số 10-2023, tr.14-19

** Học viện Quan hệ quốc tế và quản lý công, Đại học Hải dương Trung Quốc

vật có vú ở biển được phát hiện đã vô tình nuốt phải nhựa, hạt vi nhựa, từ đó gây ra các vấn đề như tắc nghẽn hệ thống tiêu hóa, các vấn đề về nội tiết và giải phóng chất độc của sinh vật biển. Điều này gây thiệt hại về kinh tế ước tính hàng tỷ USD mỗi năm cho các ngành thủy sản và du lịch.

Ô nhiễm hạt nhân.

Ngày 24-8-2023, phớt lờ sự phản đối của cộng đồng quốc tế, Chính phủ Nhật Bản bắt đầu xả nước ô nhiễm từ Nhà máy điện hạt nhân Fukushima ra biển gây tổn hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái. Các chất phóng xạ như carbon-14 có trong nước nhiễm hạt nhân của Nhật Bản sẽ còn tồn tại trong hàng nghìn năm, tích tụ trong các sinh vật biển, phá hủy hệ sinh thái biển và gây nguy hiểm cho an toàn thực phẩm của con người dọc theo chuỗi thức ăn, thậm chí còn ảnh hưởng đến di truyền của con người. Các nguyên tố phóng xạ như: Tritium, cesium, strontium, v.v. khuếch tán theo dòng hải lưu, gây ô nhiễm xuyên biên giới, gây tổn hại đến lợi ích của nhiều quốc gia và ảnh hưởng sâu sắc đến cấu trúc chính trị, kinh tế của Đông Bắc Á. Hành vi xả nước nhiễm hạt nhân ra biển của Nhật Bản có thể gây ra “hiệu ứng nhà kính” và tạo tiền lệ cho hành vi tương tự ở các quốc gia khác trong tương lai.

Thứ hai, hệ sinh thái biển bị tàn phá.

“Sa mạc hóa” biển nghiêm trọng hay còn gọi là sự cạn kiệt của hệ sinh thái biển, đề cập đến quá trình hủy hoại tài nguyên sinh vật quy mô lớn trong đại dương. Các rạn san hô trên khắp thế giới đang bị suy thoái nhanh chóng, các thảm cỏ biển mất đi, môi trường sống và nguồn

thức ăn của nhiều loài sinh vật biển đang bị đe dọa. Điều này chủ yếu là do các hoạt động của con người như: Xây dựng công trình ven biển, cải tạo biển, xả nước thải và đánh bắt cá quá mức đã hủy hoại môi trường sinh thái ven biển, dẫn đến suy thoái chất lượng nước biển và thủy triều đỏ thường xuyên. Hậu quả là, xảy ra hiện tượng “sa mạc hóa” biển, biểu hiện ở hai khía cạnh: *Một mặt*, ô nhiễm biển gây ra hiện tượng “phú dưỡng” nước biển, gây ra cái chết hàng loạt, thậm chí tuyệt chủng đối với các loài sinh vật phù du và cá; *mặt khác*, các dự án ven biển làm phá hủy rừng ngập mặn, đất ngập nước, bãi triều, hủy hoại môi trường ven biển, khiến một số vùng ven biển mất đi chức năng sinh thái như: Chống nước dâng do bão, làm sạch môi trường, dẫn đến nguy cơ thiên tai ngày càng gia tăng.

Đa dạng sinh học đã suy giảm mạnh, chủ yếu do hai yếu tố: 1) Yếu tố tự nhiên. Biến đổi khí hậu đang khiến mực nước biển dâng cao, phá hủy một số môi trường sống ở biển; 2) Yếu tố con người. Đánh bắt bừa bãi đã dẫn đến sự cạn kiệt nguồn tài nguyên sinh vật; xả nước thải và rò rỉ hạt nhân đã gây ra hiện tượng “phú dưỡng” nước biển; việc xây dựng kỹ thuật của con người đã hủy hoại môi trường sinh thái mà sinh vật biển phụ thuộc vào để sinh tồn. Tác động nghiêm trọng của nó chủ yếu thể hiện ở sự tuyệt chủng của các loài; thiệt hại về hệ sinh thái và sự điều hòa khí hậu toàn cầu.

Thứ ba, rủi ro môi trường biển ngày càng gia tăng.

Thiên tai trên biển xảy ra thường xuyên.

Các thảm họa biển có tác động nghiêm trọng đến con người, bao gồm: Bão, nước dâng

do bão, thủy triều đỏ, nước biển xâm nhập. Trong đó, thiên tai do bão gây thiệt hại trực tiếp và lớn nhất về kinh tế. Biến đổi khí hậu toàn cầu sẽ làm tăng tính đột ngột, sức tàn phá và khó lường của các thảm họa biển. Những hành vi của con người như: Lấn biển, bồi lấp đất đã làm tổn hại vùng ven biển và làm giảm khả năng chống chịu của vùng ven biển trước nước dâng do bão và các thảm họa biển khác.

Mực nước biển dâng.

Biến đổi khí hậu khiến mực nước biển dâng theo hai cách: 1) Nhiệt độ tăng khiến các sông băng trên cạn và sông băng ở vùng cực tan chảy; 2) Nước biển ấm lên và giãn nở, chiếm nhiều không gian đại dương hơn. Mực nước biển dâng sẽ khiến một số khu vực bị đe dọa bởi lũ lụt, buộc hàng triệu người phải di cư, dẫn đến khủng hoảng tị nạn và bất ổn xã hội; tốc độ di cư tại nơi sinh sống của một số loài sẽ khó vượt quá tốc độ nước biển dâng và các môi trường sống ven biển như rạn san hô và rừng ngập mặn cũng có thể biến mất khi mực nước biển dâng cao; công trình kỹ thuật ở các thành phố ven biển cũng sẽ bị hư hại, dẫn đến thiệt hại về kinh tế lên tới hàng tỷ, thậm chí hàng nghìn tỷ USD.

Nguy cơ xảy ra tai nạn môi trường bất ngờ ngày càng tăng.

Với sự phát triển của thương mại quốc tế và nhu cầu dầu mỏ ngày càng tăng, hoạt động vận tải hàng hải ngày càng trở nên thường xuyên và nguy cơ xảy ra tai nạn môi trường đột ngột cũng tăng dần. Các trường hợp khẩn cấp về môi trường biển chủ yếu bao gồm tai nạn tràn dầu, tai nạn hóa chất nguy hiểm, khi xảy ra sẽ gây ra tác hại lớn cho xã hội loài người và

vùng biển, tổn hại sinh thái sẽ khó khắc phục.

2. Những vấn đề lớn mà quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu phải đối mặt

Thứ nhất, khái niệm quản trị đại dương còn chưa phù hợp và không đáp ứng được nhu cầu quản trị toàn cầu.

Vào cuối thế kỷ XIX, việc các nước tư bản như Anh, Mỹ tranh giành quyền bá chủ trên biển và kiểm soát đại dương đã trở thành một phần quan trọng trong tư duy quân sự của các cường quốc biển. Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (năm 1982) đã thiết lập trật tự hàng hải quốc tế mới, mở ra kỷ nguyên chung của nhân loại về quản trị đại dương.

Mặc dù các thuộc tính chung của đại dương đã trở thành sự đồng thuận chung và các hướng dẫn về quản trị đại dương toàn cầu như “Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển”, “Chương trình nghị sự 21” và “Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững” đã dần được thiết lập nhưng ở cấp độ hành vi của các quốc gia, các khái niệm quản trị chưa được triển khai đầy đủ. Không chỉ vậy, trong những năm gần đây, vấn đề chính trị hàng hải truyền thống của một số nước phương Tây đã quay trở lại, đó chính là mong muốn kiểm soát đại dương. Từ năm 2015, hệ tư tưởng chỉ đạo trong chiến lược hàng hải của Mỹ đã chuyển từ bảo vệ hệ thống toàn cầu sang bị thúc đẩy bởi việc đương đầu với các mối đe dọa. Tư duy chiến lược về sức mạnh trên biển đã quay trở lại việc chuẩn bị cho chiến tranh. Lựa chọn chiến lược này của Mỹ đi ngược lại xu hướng chung của toàn cầu hóa và làm trầm trọng thêm tình trạng thâm hụt quản trị đại dương toàn cầu.

Thứ hai, các quy định pháp lý quốc tế chưa mang lại hiệu quả và khó kiểm chế các hành vi vi phạm môi trường.

Tháng 4-2021, Chính phủ Nhật Bản quyết định xả nước nhiễm hạt nhân ra biển, đã gây ra sự quan ngại và phản đối của cộng đồng quốc tế. Trong vụ việc này, hiệu quả của các quy định và thỏa thuận pháp lý quốc tế trong lĩnh vực an toàn sinh thái biển rõ ràng là không đủ và không thể hạn chế được hành vi vi phạm môi trường của Nhật Bản. Hệ thống luật pháp quốc tế về biển với cốt lõi là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (năm 1982) là một trong những quy phạm của các vấn đề hàng hải quốc tế.

Hệ thống này có ba vấn đề chính: 1) Tính mơ hồ. Thiếu sự rõ ràng do nhấn mạnh vào yếu tố “được chấp nhận rộng rãi”. Sự không rõ ràng này dễ dẫn đến sai lệch trong việc xét xử các tranh chấp trên biển và không có lợi cho hòa bình, ổn định trên biển; 2) Vấn đề thiếu công bằng. Ví dụ, các điều khoản về “tự do hàng hải” trên thực tế là bảo vệ quyền tự do hàng hải của các quốc gia có năng lực hàng hải mạnh hơn. Mặc dù các nước đang phát triển đã tham gia xây dựng Công ước nhưng diễn ngôn hàng hải quốc tế vẫn thiên về châu Âu và Mỹ; 3) Cơ chế giải quyết tranh chấp chưa hiệu quả. Điểm khởi đầu trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (năm 1982) là quy định các trách nhiệm hàng hải chứ không phải là giải quyết các vấn đề chủ quyền. Cơ chế giải quyết tranh chấp thiếu cả hiệu lực ràng buộc bắt buộc và quyền thực thi thực chất. Kết quả là nhiều quốc gia đã không thực hiện đầy đủ các phán quyết của cơ chế giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, bối cảnh quốc tế đã trải qua những thay đổi sâu sắc và hệ thống quản trị hiện tại không thể ứng phó.

Hệ thống quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu hiện nay chủ yếu bao gồm luật pháp quốc tế và công ước quốc tế, các tổ chức quốc tế, các chủ thể quốc gia, v.v.. Luật pháp quốc tế và các công ước quốc tế là cơ sở pháp lý cho quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (năm 1982), Công ước về Đa dạng sinh học, v.v.. Các văn bản pháp luật này quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của các quốc gia trong việc bảo vệ môi trường biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ hệ sinh thái biển. Các tổ chức quốc tế đóng vai trò điều phối và thúc đẩy quan trọng trong quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu bằng cách xây dựng chính sách, hỗ trợ kỹ thuật và điều phối hợp tác quốc tế.

Thứ tư, chính phủ của các quốc gia còn thiếu trách nhiệm quốc tế và rủi ro an ninh sinh thái biển ngày càng gia tăng.

Điển hình như sự cố xả nước ô nhiễm hạt nhân của Nhật Bản, sự giải thích và bảo đảm của Chính phủ Nhật Bản về tác động của việc xả thải là không đầy đủ; đồng thời, không cung cấp đủ cơ sở khoa học và đánh giá rủi ro để chứng minh sự an toàn của việc xả nước ô nhiễm hạt nhân, vi phạm các yêu cầu của cộng đồng quốc tế về công bố thông tin và những kỳ vọng chung về việc ra quyết định dân chủ. Tháng 8-2023, quyết định của Nhật Bản xả nước nhiễm hạt nhân ở Fukushima ra biển mà chưa dựa trên ý kiến của cộng đồng quốc tế đã thể hiện sự thiếu quan tâm và tôn trọng đúng mức đối với mối quan ngại của

các nước láng giềng và cộng đồng quốc tế.

3. Nguồn gốc của các vấn đề trong quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu

Thứ nhất, những tư tưởng cũ đã “ăn sâu” và một số nước còn tương đối bảo thủ.

Lịch sử xâm lược hàng hải ở một số nước tư bản phương Tây đã tác động sâu sắc đến quan niệm quản trị hàng hải của họ. Trước đây, các nước phương Tây lấy lợi ích kinh tế và cướp bóc tài nguyên làm mục đích chính, định hướng lợi ích này đã ảnh hưởng đến quan niệm quản trị đại dương của họ ở mức độ nhất định, khiến họ tập trung nhiều hơn vào phát triển kinh tế, không chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái biển. Chính sách hàng hải trước đây của các nước tư bản phương Tây thường dựa trên quyền lực và sự kiểm soát, khái niệm quản trị đại dương ở một mức độ nhất định. Các nước phương Tây tích cực phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong quá trình mở rộng đại dương và coi “công nghệ là trên hết” là một trong những ý tưởng hàng đầu trong quản trị đại dương, bỏ qua việc xem xét đánh giá rủi ro và tác động sinh thái của công nghệ.

Khi các vấn đề sinh thái biển ngày càng nổi bật, hiểu biết của người dân về môi trường sinh thái biển ngày càng sâu sắc, các nước tư bản phương Tây dần bắt đầu thay đổi quan niệm quản trị đại dương, tuy nhiên một số nước vẫn có xu hướng tập trung vào lợi ích kinh tế và phát triển tài nguyên mà bỏ qua việc bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững trong quản trị đại dương. Ngoài ra, trong những năm gần đây, một số nước

phương Tây do Mỹ đại diện có xu hướng khôi phục tư tưởng truyền thống “kiểm soát đại dương”, coi đại dương là phần mở rộng lãnh thổ và tài nguyên của mình, đồng thời nhấn mạnh chủ quyền và lợi ích quốc gia trong quản trị đại dương. Điều này khiến một số quốc gia hoài nghi về các khái niệm quản trị mới và do đó muốn duy trì khuôn khổ quản trị và trật tự quốc tế hiện có để bảo vệ lợi ích của chính họ.

Thứ hai, luật pháp quốc tế tương đối lỏng lẻo và thiếu các quy tắc quản trị an ninh.

Luật pháp quốc tế hiện hành trong lĩnh vực an ninh sinh thái biển còn tương đối phân tán và thiếu khuôn khổ pháp lý thống nhất. Các công ước và hiệp định quốc tế hiện hành như: Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (năm 1982) và Công ước về Đa dạng sinh học đưa ra những nguyên tắc và hướng dẫn nhất định cho việc bảo vệ và sử dụng bền vững hệ sinh thái biển nhưng chưa tạo thành một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh. Sự hợp tác của cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng bền vững sinh thái biển còn thiếu những hướng dẫn và ràng buộc pháp lý rõ ràng.

Cơ chế thực thi và giám sát luật pháp quốc tế còn thiếu. Mặc dù một số công ước, hiệp định quốc tế đã thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá nhưng trong thực tế, hoạt động này triển khai vẫn còn yếu kém, giám sát chưa đầy đủ, có sự khác biệt giữa các nước trong việc thực hiện và thực thi các chuẩn mực pháp luật quốc tế, hiệu lực của luật pháp quốc tế trong lĩnh vực an ninh sinh thái biển còn hạn chế.

Khung pháp lý quốc tế hiện nay chưa quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ giữa các quốc

gia, thiếu sự phân định rõ ràng về trách nhiệm pháp lý và cơ chế trừng phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật, không thể ngăn chặn và trừng phạt những hành vi vi phạm pháp luật hoặc không đúng đắn của một số quốc gia trong lĩnh vực an ninh sinh thái biển.

Thứ ba, hệ thống quản trị vẫn chưa hoàn thiện và logic của chính trị quyền lực là rõ ràng.

Do sức mạnh cưỡng chế yếu kém của luật pháp và công ước quốc tế, hệ thống quản trị an ninh sinh thái biển phải đối mặt với vấn đề giám sát và thực thi pháp luật yếu kém. Một số quốc gia thiếu cơ chế giám sát và thực thi pháp luật hiệu quả trong bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển, gây khó khăn cho việc điều tra và trừng phạt các hoạt động vi phạm pháp luật.

Do thiếu sự phối hợp của các tổ chức quốc tế nên hệ thống quản trị an ninh sinh thái biển còn tồn tại những bất cập rõ rệt trong hợp tác quốc tế. Mặc dù có một số tổ chức và cơ chế quốc tế chuyên trách về bảo vệ môi trường biển như: Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO), Tòa án Quốc tế về biển, v.v. nhưng quyền lực và lực lượng ràng buộc của các tổ chức này tương đối hạn chế và thiếu sự phối hợp, hợp tác giữa các tổ chức, dẫn đến các quyết định và hành động chồng chéo, phân tán, không đủ hỗ trợ cho hợp tác quốc tế, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp ở cấp độ quản trị an ninh sinh thái biển.

Hoạt động của hệ thống quản trị an ninh sinh thái biển thường xuyên bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong bối cảnh quốc tế và hòa giải chính trị. Các cường quốc hàng hải phương Tây, dẫn đầu là Mỹ, dựa vào lợi thế sẵn

có của mình để chiếm vị trí thống trị trong các vấn đề hàng hải và có nhiều tiếng nói hơn. Hệ quả là, cơ chế quản lý tài nguyên và phân phối lợi ích hiện nay vẫn thiên về các nước phát triển và các công ty đa quốc gia lớn.

Thứ tư, chủ nghĩa dân tộc đang thịnh hành và những vấn đề nan giải của chủ nghĩa toàn cầu bộc lộ rõ.

Chủ nghĩa dân tộc được thảo luận trong bài viết này đề cập đến chủ nghĩa dân tộc với hệ quy chiếu toàn cầu. Chủ nghĩa dân tộc nhấn mạnh lợi ích và chủ quyền của đất nước là trên hết. Chủ nghĩa toàn cầu nhấn mạnh tính toàn vẹn của Trái đất, thế giới và nhân loại, tuân thủ mục tiêu lấy con người làm trung tâm, nhấn mạnh hợp tác, lợi ích chung và trách nhiệm chung trên phạm vi toàn cầu, theo đuổi lợi ích vượt qua các quốc gia và khu vực để giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Hiện nay, chủ nghĩa dân tộc đang thịnh hành trong các vấn đề quốc tế. Trong lĩnh vực kinh tế, một số nước phương Tây, đại diện là Mỹ, đã áp dụng các chính sách và biện pháp bảo hộ về thương mại và kinh tế trong những năm gần đây như: Áp thuế, hạn chế đầu tư và công nghệ nước ngoài. Về mặt quân sự, một số nước đã tăng cường xây dựng quốc phòng và vũ khí để bảo vệ an ninh và lợi ích quốc gia. Sự phổ biến của chủ nghĩa dân tộc đã khiến các quốc gia có chủ quyền né tránh toàn cầu hóa, dẫn đến những tác động tiêu cực như: Chủ nghĩa bảo hộ kinh tế và xung đột thương mại, khó khăn trong hợp tác quốc tế và quản trị toàn cầu, gia tăng căng thẳng địa chính trị cũng như sự chia rẽ văn hóa, xã hội, nguồn cung hàng hóa công toàn cầu không đủ. Chủ

nghĩa toàn cầu đang phải đối mặt với những thách thức và trở ngại của xu hướng dân tộc chủ nghĩa.

4. Giải quyết các vấn đề về an ninh sinh thái biển toàn cầu và xây dựng trật tự mới về quản trị đại dương toàn cầu

Thứ nhất, tích cực ủng hộ khái niệm về một cộng đồng chung vận mệnh trên biển và cải thiện quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu.

Ngày 23-4-2019, trong cuộc họp tại Thanh Đảo nhân kỷ niệm 70 năm thành lập Hải quân Trung Quốc, Chủ tịch Tập Cận Bình đề xuất khái niệm “xây dựng cộng đồng chung vận mệnh trên biển”. Điều này làm phong phú và mở rộng khái niệm về một cộng đồng có tương lai chung cho nhân loại trong lĩnh vực hàng hải; đồng thời, đóng góp trí tuệ của Trung Quốc vào việc quản trị đại dương toàn cầu, xây dựng một đại dương hài hòa và một cộng đồng có tương lai chung cho nhân loại.

Khái niệm cộng đồng chung vận mệnh trên biển vượt xa các lý thuyết quan hệ quốc tế chính thống của phương Tây và chứa đựng ý nghĩa lý luận cũng như giá trị thực tiễn to lớn: 1) Nhấn mạnh trách nhiệm và lợi ích chung của tất cả các quốc gia trong các vấn đề đại dương, đồng thời có vai trò thúc đẩy các quốc gia tham gia tích cực vào hợp tác quản trị đại dương toàn cầu, đạt được sự đồng thuận, hợp tác và cùng nhau ứng phó với các thách thức quản trị đại dương; 2) Nhấn mạnh sự tham gia và bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển trong quản trị đại dương toàn cầu, giúp nâng cao khả năng tham gia và sức mạnh đàm phán của các nước đang phát triển, thúc đẩy hợp tác Bắc - Nam và hợp tác Nam - Nam,

nâng cao tính công bằng và toàn diện trong quản trị đại dương toàn cầu, thúc đẩy xây dựng trật tự mới về quản trị đại dương toàn cầu.

Thứ hai, thiết lập các quy tắc quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu và duy trì trật tự luật hàng hải quốc tế hiện đại.

Cần bù đắp những bất cập trong khung pháp lý hiện hành, đẩy mạnh sửa đổi, bổ sung, làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các nước trong an ninh sinh thái, hoàn thiện các quy phạm pháp luật, trong đó có bảo vệ tài nguyên, ngăn ngừa ô nhiễm và quản lý hệ sinh thái. Việc tham vấn và trao đổi giữa các quốc gia về luật biển và quản trị an ninh sinh thái có thể được thúc đẩy thông qua các cuộc họp cấp cao thường xuyên, hội thảo đặc biệt và thảo luận chuyên môn.

Tăng cường cơ chế thực thi và giám sát luật biển quốc tế; tăng cường khả năng thi hành và thực thi luật biển quốc tế, bảo đảm thực thi luật biển quốc tế trên thực tế. Có thể tăng cường hợp tác các thể chế pháp lý quốc tế hiện tại để hình thành một nền tảng pháp lý quốc tế chặt chẽ hơn, cùng nhau xây dựng và giải thích các quy định hàng hải quốc tế; đồng thời, đưa ra các quy định pháp lý dịch vụ hướng dẫn và giải quyết tranh chấp nhằm thúc đẩy việc thiết lập các quy tắc quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu.

Các nước cần tăng cường mối liên hệ giữa luật quản trị đại dương trong nước và luật biển quốc tế, đảm bảo pháp luật trong nước phù hợp với luật biển quốc tế, tăng cường năng lực thực thi luật hàng hải, thực hiện và thực thi hiệu quả luật hàng hải quốc tế, đồng thời duy trì trật tự luật hàng hải quốc tế hiện đại.

Thứ ba, cải thiện hệ thống quản trị an ninh sinh thái biển toàn cầu và nâng cao hiệu quả quản trị đại dương toàn cầu.

Hệ thống quản trị đại dương toàn cầu hiện nay có cơ cấu quyền lực không cân bằng và quy trình ra quyết định thiếu hợp lý, có thể cần nhắc cải cách các thể chế như Ủy ban Quốc tế về Luật Biển để nâng cao tính đại diện và sức ảnh hưởng của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy quản trị chung về các vấn đề đại dương toàn cầu.

Thiếu sự hợp tác và phối hợp giữa các quốc gia và các bên liên quan trong hệ thống quản trị đại dương toàn cầu. Việc chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ và trao đổi kinh nghiệm có thể được thúc đẩy bằng cách đẩy nhanh việc thiết lập các nền tảng như các tổ chức hợp tác đại dương khu vực và quan hệ đối tác xanh. Các nước phát triển nên tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để giúp các nước đang phát triển nâng cao năng lực quản trị an ninh sinh thái biển.

Khả năng ứng phó với các mối đe dọa, thách thức mới của hệ thống quản trị đại dương toàn cầu còn nhiều hạn chế. Do đó, cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống quản trị để ứng phó với các vấn đề mới về đại dương, cố gắng tránh tình trạng tụt hậu trong việc xây dựng quy định so với thực tế phát triển, đồng thời tăng cường nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực biển và thu thập dữ liệu để cung cấp cơ sở khoa học cho việc ra quyết định.

Thứ tư, hài hòa giữa chủ nghĩa toàn cầu và chủ nghĩa dân tộc, thúc đẩy việc thực hiện lợi ích chung của nhân loại.

Sự cân bằng giữa chủ nghĩa toàn cầu và chủ nghĩa dân tộc phải dựa trên công lý và bình đẳng. Chủ nghĩa toàn cầu đòi hỏi các quốc gia phải cùng nhau hợp tác để giải quyết các vấn đề toàn cầu nhưng điều này đòi hỏi phải đảm bảo sự bình đẳng trong lợi ích và nhu cầu của tất cả các quốc gia. Chủ nghĩa dân tộc nhấn mạnh chủ quyền và lợi ích quốc gia nhưng cũng phải thừa nhận trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi quốc gia trong quản trị toàn cầu. Nguyên tắc công bằng và bình đẳng là cơ sở để cân bằng giữa chủ nghĩa toàn cầu hóa và chủ nghĩa dân tộc, chỉ khi thiết lập được một trật tự quốc tế công bằng thì tất cả các quốc gia mới có tiếng nói của mình trong quản trị toàn cầu.

Việc cân bằng chủ nghĩa toàn cầu và chủ nghĩa dân tộc đòi hỏi phải tăng cường sự tương tác và phối hợp giữa quản trị toàn cầu và quản trị quốc gia. Chủ nghĩa toàn cầu nhấn mạnh đến quản trị toàn cầu và yêu cầu tất cả các nước cùng nhau ứng phó với những thách thức toàn cầu. Chủ nghĩa dân tộc nhấn mạnh đến quản trị quốc gia và yêu cầu các quốc gia xây dựng và thực hiện các chính sách và biện pháp phù hợp dựa trên điều kiện và lợi ích quốc gia của mình. Quản trị toàn cầu và quản trị quốc gia phụ thuộc lẫn nhau, các quốc gia cần nâng cao năng lực quản trị, tăng cường chia sẻ và trao đổi thông tin chính sách với nhau, điều phối quan điểm và hành động của các quốc gia về các vấn đề toàn cầu thông qua truyền thông chính sách, đồng thời đạt được sự phối hợp bổ sung trong quản trị quốc gia và toàn cầu ■

TRÍ CÔNG lược dịch
NHƯ MAI hiệu đính